

NỘI DUNG

I.	<u>Thông tin chung</u>	3
II.	<u>Tình hình hoạt động năm 2016</u>	10
III.	<u>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</u>	16
IV.	<u>Đánh giá của Hội đồng quản trị</u>	19
V.	<u>Quản trị công ty</u>	21
VI.	<u>Báo cáo tài chính</u>	29

I. THÔNG TIN CHUNG

◆ Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
◆ Tên giao dịch	: SEADANANG
◆ Giấy ĐKKD	: Số 0400100778 cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 25/02/2016
◆ Vốn điều lệ	: 120.000.000.000đ (Một trăm hai mươi tỷ đồng).
◆ Địa chỉ	: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
◆ Số điện thoại	: (84.236) 3823041/ 3824160
◆ Số fax	: (84.236) 3823769/ 3921958
◆ Email	: info@seadanang.com.vn
◆ Website	: www.seadanang.com.vn
◆ Mã cổ phiếu	: SPD
◆ Sàn giao dịch	: UPCoM

1. Quá trình hình thành và phát triển

26/02/1983

- Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thành lập.

31/3/1993

- Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính.

21/10/2005

- Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thực hiện cổ phần hoá theo chủ trương của nhà nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, theo quyết định số 1226/QĐ-BTS Bộ Thủy Sản.

09/12/2006

- Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung.

01/01/2007

- Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 55 tỷ đồng.

Năm 2008

* Ngày 22/09/2008, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung, số 335/UBCK-GCN.

* Ngày 04/11/2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên mức 75,6 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Năm 2010

* Ngày 16/03/2010, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Seadanang (mã SPD) trên sàn UpCom;

* Ngày 22/04/2010, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom.

Năm 2012

* Ngày 24/03/2012, Công ty đã kết thúc đợt tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

* Ngày 11/04/2012, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Seadanang (mã SPD) trên sàn UpCom (Quyết định 101/QĐ-SGDHN).

* Ngày 03/05/2012, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom sau khi bổ sung cổ phiếu giao dịch.

Năm 2015

- Ngày 23/ 7/2015 Chuyển đổi từ Công ty có vốn nhà nước chi phối sang công ty cổ phần nhà nước không chi phối
- Ngày 14/10/2015 bổ nhiệm lại HĐQT và các vị trí quản lý cấp cao của công ty.
- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Nhân Sự - Thay đổi tên viết tắt của công ty từ Seaprodex Đà Nẵng thành Seadanang và thay đổi logo công ty.
- ĐHCĐ bất thường 12/2015 thông qua phương án phát hành riêng lẻ 2 triệu CP, tăng VDL từ 100 tỷ lên 120 tỷ đồng.

Năm 2016

- 08/4/2016: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 2.000.000 (hai triệu) cổ phiếu Seadanang (mã SPD) trên sàn UpCom, tăng vốn điều lệ từ 100 tỉ lên 120 tỉ.
- 29/04/2016: ngày đầu tiên giao dịch của cổ phiếu đăng ký bổ sung.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

🚧 Ngành nghề kinh doanh chính:

- Chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh (Tôm, cá, mực)
- Kinh doanh vật tư nhập khẩu (Hạt nhựa, giấy, sắt thép, hóa chất...)
- Sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản
- Dịch vụ cho thuê kho lạnh

🚧 Địa điểm kinh doanh:

- Thành phố Đà Nẵng (hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản)
- Thành phố Hồ Chí Minh (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu)
- Tỉnh Quảng Nam (hoạt động sản xuất chế biến thức ăn nuôi thủy sản)



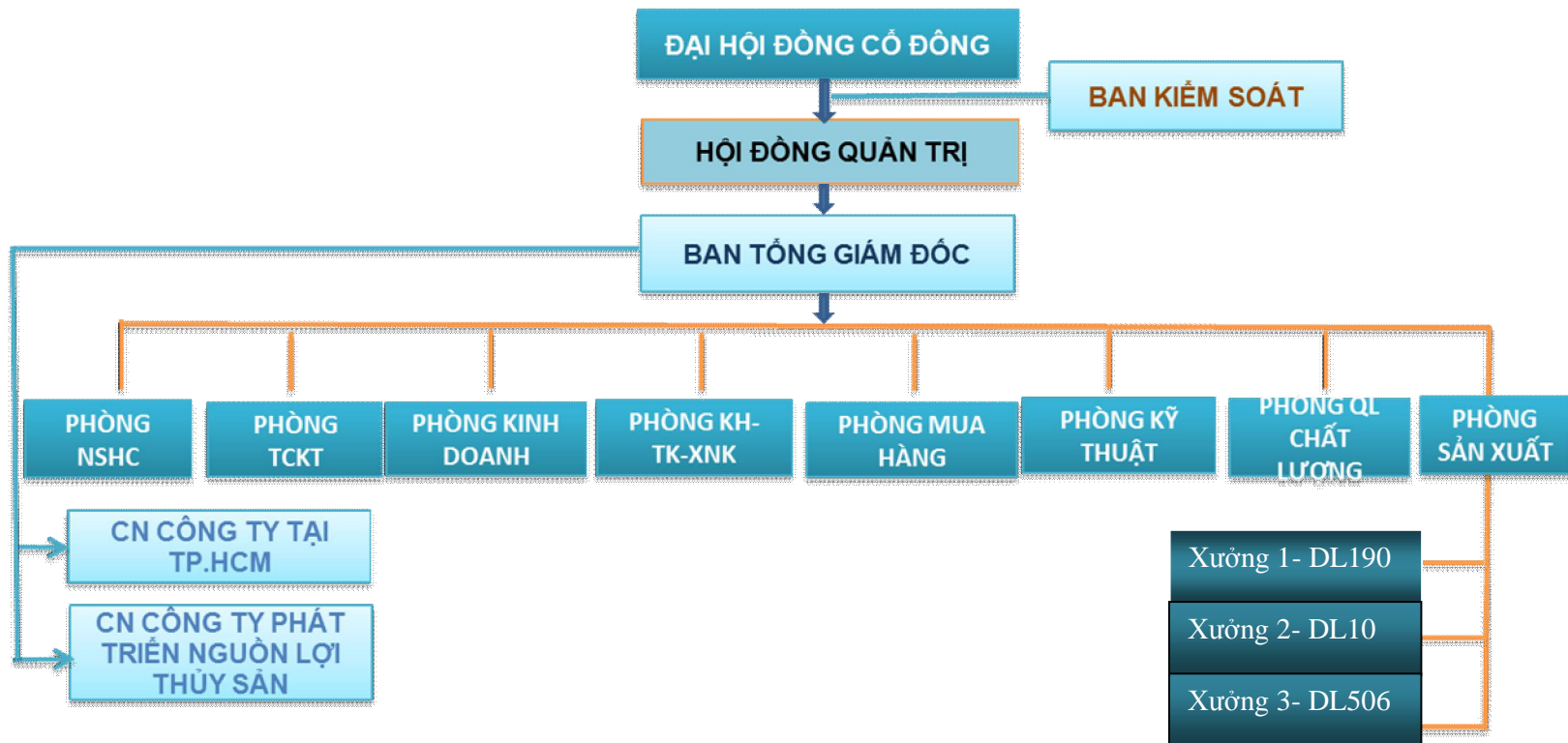
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Phó Tổng Giám đốc.





Chúng tôi luôn cam kết đem lại những sản phẩm chất lượng nhất



c. Các công ty liên kết:

- Theo Nghị quyết 04 của HĐQT vào Ngày 18/3/2016, Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung thoái toàn bộ vốn 2.859.870.000 đồng với tỷ lệ vốn góp 22,35% tại Cty CP Thủy sản 584 Nha Trang.
- Tháng 9/ 2016 Seadanang liên kết với công ty TNHH Bất động sản New City - là đối tác của công ty để hợp tác kinh doanh với giá trị tài sản đưa vào góp vốn của công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung tại Công ty cổ phần liên kết mới này là 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)

d. Định hướng phát triển**• Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Công ty xác định trọng tâm hoạt động của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản với phương châm “Sự hài lòng của khách hàng là thành công của công ty”, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty nhằm khai thác có hiệu quả tài sản hiện có, bảo toàn vốn và thực hiện mạnh mẽ mục tiêu tăng hiệu quả kinh doanh.

• Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Công ty quan tâm đến việc phấn đấu đạt các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường.
- Các nhà máy của Seadanang luôn phấn đấu tạo ra một môi trường làm việc an toàn và sạch sẽ.
- Công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane...
- Là một công ty chuyên sản xuất chế biến thủy hải sản, Seadanang không chỉ chú trọng về vệ sinh thực phẩm làm ra mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu.
- Tất cả các nhà máy của Seadanang đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về các đánh giá tác động đối với môi trường.
- Nhà máy đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000m³/ngày đêm, đạt tiêu chuẩn đầu ra của Việt Nam.
- Nhà máy ưu tiên sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường: công ty sử dụng bao bì có trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường.
- Từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động, những chế độ liên quan đến Nhân sự để tạo nên những giá trị cốt lõi.

SEADANANG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LẤY CON NGƯỜI LÀM TRỌNG TÂM, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM LÀM ĐỊNH HƯỚNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI LÀM ƯU TIÊN



c. Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2016, nền kinh tế trong và ngoài nước đều gặp rất nhiều biến động và khó khăn. Là một bộ phận của nền kinh tế, Seadanang không là ngoại lệ. Công ty đã chịu tác động trực tiếp từ biến động mạnh của giá nguyên liệu, lực cầu ở các thị trường trong và nước ngoài giảm.

Rủi ro luật pháp

Seadanang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. Cùng với các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty, tất yếu công ty sẽ bị quản lý trực tiếp của các văn bản luật trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Seadanang hiện nay là công ty đại chúng và đã giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, do vậy công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi các luật này sẽ có ảnh hưởng đến công ty.

Rủi ro đặc thù

- Rủi ro về nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước, chất lượng nguyên liệu, cạnh tranh từ thương lái Trung Quốc ...

- Rủi ro về thị trường xuất khẩu: Đây là những thị trường có nhiều biến động và khó lường. Những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phí thuế quan như chống bán phá giá, chống trợ cấp... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động của công ty liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, chính sách tiền tệ của nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	2016	2015	Tăng/giảm (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.200	1.005.288	1.315.151	(23,56)
2. Kim ngạch XNK	Triệu USD	48,22	34,29	47,11	(27,21)
<i>Xuất khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>31,72</i>	<i>24,27</i>	<i>27,42</i>	<i>(11,48)</i>
<i>Nhập Khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>16,50</i>	<i>10,02</i>	<i>19,69</i>	<i>(49,11)</i>
3. Lợi nhuận HĐ kinh doanh	Triệu đồng		-25.134	7.208	(448,67)
4. Lợi nhuận khác	Triệu đồng		34.037	1.071	3.076,84
5. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11,50	8.902	8.280	7,52
6. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		7.061	6.712	5,20

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc	0
2	Trần Như Thiên My	Phó Tổng Giám đốc	25.000
3	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	33.690
4	Nguyễn Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	22.000
5	Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	6.000

(Số liệu đến thời điểm 31/12/2016)

2.1. Những thay đổi trong ban điều hành: không có

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty, chính vì vậy, Seadanang luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ công nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến 31/12/2016, Công ty có 912 cán bộ công nhân viên.

✚ Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty:

Stt	Phân chia theo tiêu chí	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Cty	PTNL	HCM	
I	Theo giới tính	912	872	26	14	
1	Nữ	588	579	4	4	
2	Nam	324	293	22	10	
II	Theo địa điểm, công việc :	912	872	26	14	
1	CBNV gián tiếp + BGT tại Công ty	155	155			Trong đó nữ : 59
2	Công nhân trực tiếp SX tại Công ty	717	717			Trong đó nữ : 521
3	CBCNV tại các chi nhánh trực thuộc	40		26	14	Trong đó nữ : 8
III	Theo loại hình hợp đồng lao động:	912	872	26	14	
1	HĐLĐ không xác định thời hạn	393	356	23	14	
2	HĐLĐ xác định thời hạn từ 1-3 năm	451	449	2		
3	HĐLĐ dưới 1 năm và LĐ học việc	68	67	1	0	

IV	Theo trình độ học vấn	912	870	26	16
1	Trên đại học	3	3	0	0
2	Đại học	90	76	8	6
3	Cao đẳng	32	30	2	0
4	Trung học chuyên nghiệp	46	33	8	5
5	LDPT	71	65	1	5
6	Công nhân kỹ thuật, trong đó :	670	663	7	0
	<i>Bậc 1</i>	<i>321</i>	<i>321</i>	0	
	<i>Bậc 2</i>	<i>146</i>	<i>145</i>	1	
	<i>Bậc 3</i>	<i>77</i>	<i>76</i>	1	
	<i>Bậc 4</i>	<i>66</i>	<i>63</i>	3	
	<i>Bậc 5</i>	<i>58</i>	<i>57</i>	1	
	<i>Bậc 6</i>	<i>2</i>	<i>1</i>	1	

Về chính sách cho người lao động:

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Seadanang luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, thông thoáng, chuyên nghiệp và không ngừng hoàn thiện chính sách cho người lao động ngày càng tốt đẹp hơn thông qua việc thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc nghề, các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, thực hiện các suất ăn tăng giờ, tăng ca... cụ thể:

- Đảm bảo 100% cán bộ công nhân viên của Công ty vào làm việc từ 3 tháng trở lên được ký kết hợp đồng lao động và tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.
- Thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Nâng lương, thi nâng bậc nghề cho người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật.
- Không bố trí lao động nữ làm việc ở khu vực độc hại nguy hiểm.
- Trang bị đầy đủ BHLĐ theo qui định của ngành, đảm bảo ATVS lao động
- Thực hiện đúng chế độ thai sản, nuôi con nhỏ, nghỉ việc riêng ...
- Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao tay nghề, thi bậc nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Trang bị bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề, đảm bảo chất lượng, khám sức khỏe 2 lần/ năm cho người lao động.

🚦 Thời gian làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ ngày; 40 giờ/ tuần đối với nhân viên khối gián tiếp và 48 giờ/ tuần đối với công nhân viên khối trực tiếp sản xuất. Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ, Tết hưởng nguyên lương theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phát sinh do yêu cầu của khách hàng, hay để phù hợp với lịch xuất hàng, kế hoạch sản xuất thì phụ trách các phòng ban, tổ trưởng tổ sản xuất phải bố trí sắp xếp cán bộ công nhân viên tăng ca để tiếp tục thực hiện các công việc trong thời gian cần thiết, nhưng không quá 04 giờ/ngày và không quá 3 ngày/tuần.

Cán bộ công nhân viên có thời gian công tác liên tục 12 tháng trở lên ở Công ty được nghỉ phép hàng năm và được hưởng nguyên lương 12 ngày nghỉ phép. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

🚦 Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Đề lương, thưởng, thu nhập thực sự là đòn bẩy khuyến khích người lao động tích cực sáng tạo, nâng cao năng suất lao động nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, công ty đã xây dựng hệ thống trả lương khoán, trả lương theo đơn giá sản phẩm sản xuất và trả lương theo chức danh công việc trên cơ sở gắn liền chính sách tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của cán bộ công nhân viên, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn.

Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện để thu nhập bình quân của người lao động năm sau luôn cao hơn năm trước.

Ngoài tiền lương, công ty còn thực hiện thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn trong năm như 30/4, 1/5, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán. Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện khen thưởng cho cán bộ công nhân viên với nhiều hình thức: lương trách nhiệm dành cho các cán bộ quản lý, thưởng năng suất, thưởng chuyên cần, cá nhân lao động giỏi, tập thể lao động giỏi, thưởng điểm BSC, tổ chức sinh hoạt, liên hoan cuối năm.

Công ty áp dụng các chế độ chi thăm hỏi, hiếu hỉ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân ở xa.

Tặng quà cho các cháu con CBCNV nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt, thi đậu đại học..v.v.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2015, Công ty triển khai dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/24h tại địa chỉ 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, TP. Đà Nẵng, với tổng

mức đầu tư được Hội đồng quản trị phê duyệt tại nghị quyết số 02B/2015/NQ-HĐQT ngày 12/03/2015 với tổng mức đầu tư là 7,4 tỷ đồng (chưa VAT). Ngày 17/12/2016, HĐQT đã phê duyệt Nghị quyết HĐQT số 17/2016/NQ-HĐQT v/v thông qua báo cáo kiểm toán về báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành hệ thống XLNT với giá trị 5.804.811.475 đồng

b) Các công ty liên kết:

Công ty có 01 công ty liên kết mới là công ty TNHH Bất động sản New City – là đối tác của công ty để hợp tác kinh doanh với giá trị tài sản đưa vào góp vốn của công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung tại Công ty cổ phần liên kết mới này là 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng).

4. Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	443.733.872.979	365.180.661.218	21,51
Doanh thu thuần	954.618.063.645	1.315.151.585.522	(27,41)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-25.134.463.994	7.208.692.777	(448,67)
Lợi nhuận khác	34.037.255.310	1.071.419.607	3.076,84
Lợi nhuận trước thuế	8.902.791.316	8.280.112.384	7,52
Lợi nhuận sau thuế	7.061.597.927	6.712.419.289	5,20
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6% (Dự kiến)	8%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015	2016 so với 2015 (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,17	1,29	90,29
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,60	1,03	57,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,67	103,19
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,21	2,00	110,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,15	3,60	59,74

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,007	0,005	144,93
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,051	0,055	92,48
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,016	0,018	86,58
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,026)	0,005	(480,35)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 12.000.000 cổ phần (tại thời điểm 31/12/2016).
- Loại cổ phần đang lưu hành : Phổ thông.
- Thị trường giao dịch : UPCoM.
- Mã chứng khoán : SPD

b) Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách chốt 12/05/2016)

Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phân theo CD nhà nước và khác	12.000.000	100
Cổ đông nhà nước	4.367.538	36,39
Cổ đông khác	7.632.462	63,61
Phân theo CD tổ chức và cá nhân	12.000.000	100
Tổ chức	4.923.477	41,03
Cá nhân	7.076.523	58,97
Phân theo CD trong nước và nước ngoài	12.000.000	100
Trong nước	12.000.000	100,00
Nước ngoài	0	-

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Có phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng. Việc thực hiện tăng vốn trong Quý 1/2016).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1) *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:*

Kết quả kinh doanh năm 2016 ở lĩnh vực hoạt động chính là chế biến và xuất khẩu thủy sản vẫn chưa tốt, giảm sút hơn năm trước. Thêm vào đó, những tồn tại cũ như tồn kho giấy tờ chi nhánh Hải Phòng chưa bán hết; nguyên liệu thủy sản tồn kho còn cao làm ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng và hiệu quả. Nguồn cung nguyên liệu trong nước thiếu, dù nhập khẩu nguyên liệu là một hướng mở nhưng vẫn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro,... Công nợ cao vẫn là vấn đề quan trọng vì chiếm tỷ trọng lớn trong nợ phải thu, hệ số nợ lớn và theo đó là chi phí lãi vay lớn.

Đơn vị Công ty Phát triển Nguồn Lợi Thủy Sản có một năm 2016 kinh doanh tốt, nhưng cơ hội đột phá rất khó, nên khả năng tăng doanh thu và tìm kiếm lợi nhuận từ đơn vị sẽ hạn chế.

Cơ cấu thị trường cũng có sự thay đổi rất lớn so với các năm qua: Nhật đã chiếm tỷ trọng gần 92% trong năm 2016, chứng tỏ Công ty có cơ sở vật chất và tổ chức sản xuất đạt yêu cầu khách hàng thuộc nhóm khó tính nhất; nhưng mặt trái của việc này là tính rủi ro khá cao nếu thị trường Nhật bị biến động.

Hoạt động dịch vụ cho thuê kho lạnh hiệu quả tốt; hoạt động kinh doanh thương mại vật tư nhập khẩu của Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh có hiệu quả.

Quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý hệ thống máy móc thiết bị của Công ty, cùng hệ thống quản lý chất lượng đang phải đáp ứng khối lượng ngày càng nhiều hơn do các yêu cầu nâng cao của khách hàng, thị trường, cùng các tiêu chuẩn quốc tế.... là các mảng hoạt động giúp cho kết quả kinh doanh ổn định.

Công ty đã thực hiện việc tái cơ cấu vào tháng 9/2016, thành lập thêm các phòng ban mới, thay đổi 1 số chức năng nhiệm vụ của các thành viên ban lãnh đạo, chỉnh sửa một số quy trình làm việc và thực hiện nhiều cải tạo mới cơ sở vật chất trong công ty.

2) *Tình hình tài chính*

a) **Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2016	31/12/2015	Tăng giảm (%)
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>				
- Tài sản cố định / Tổng số tài sản	%	7,51	12,13	(38,11)
- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	80,39	86,28	(6,83)
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>				

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	68,80	66,67	3,19
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	31,20	33,33	(6,38)

b) Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả	31/12/2016	31/12/2015	Tăng giảm 2016/ 2015 (%)
I. Nợ ngắn hạn	305.292.379.819	243.480.866.903	25,39
1. Phải trả người bán ngắn hạn	8.208.735.282	3.813.493.258	115,26
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.296.180.008	581.232.020	123,01
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	19.070.210.477	8.737.631.707	118,25
4. Phải trả người lao động	6.299.372.711	11.905.715.281	(47,09)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	494.885.370	513.783.259	(3,68)
6. Phải trả ngắn hạn khác	3.999.936.915	3.708.323.547	7,86
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	265.327.211.583	213.757.511.840	24,13
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	595.847.473	463.175.991	28,64
II. Nợ dài hạn	-	-	
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	

 Các giải pháp chính cho hoạt động năm 2017:

- Sản xuất - xuất khẩu thủy sản: đây là lĩnh vực này tập trung nhiều lao động nhất và có sự đầu tư tài sản lớn nhất của Công ty, mang tính định hướng của Hội đồng quản trị nên luôn luôn ở trạng thái phải hoàn thiện, bao gồm rất nhiều yếu tố.
- Trong phạm vi thực hiện kế hoạch năm 2017, Công ty sẽ tập trung vào vấn đề chi phí (gồm tổ chức quản lý chi phí và tiết giảm chi phí) để tăng tính cạnh tranh, và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, các giải pháp ngắn hạn sẽ tập trung.
- Tìm kiếm các cơ hội khách hàng mới và mặt hàng mới, đa dạng mặt hàng chế biến để khai thác công suất, điều kiện mới của nhà xưởng.
- Tiếp tục linh hoạt trong khai thác các nguồn thu mua nguyên liệu để đáp ứng các đơn hàng và nhu cầu dự trữ của Công ty.

- Giữ công nhân và tìm cách tuyển dụng lao động mới.
- Duy trì các chứng nhận đã có (BRC, ISO) và đảm bảo các chương trình được thực hiện trong thực tế, đảm bảo các giải pháp đồng bộ hơn.
- Chú trọng tổ chức, quản lý sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng; Xem xét khả năng sắp xếp lại xưởng sản xuất.
- Tiếp tục sử dụng giá linh hoạt và phát huy sự quan tâm chăm sóc khách hàng tốt trong hoạt động dịch vụ cho thuê kho lạnh.
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động của tái cấu trúc Công ty.
- Triển khai xây dựng chương trình kế toán và quản lý nhân sự mới
- Duy trì sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản ở đơn vị Phát Triển Nguồn Lợi Thủy Sản. Tuy nhiên, việc tìm kiếm các cơ hội mới không dừng lại.
- Tiếp tục giải quyết các vấn đề của Chi nhánh Hải Phòng sau giải thể. Thận trọng trong kinh doanh vật tư nhập khẩu khi tình hình thị trường vẫn còn diễn biến khó đoán định.

Ngoài ra, các vấn đề sau sẽ cần tập trung:

- Lao động: lao động trực tiếp luôn là vấn đề quan ngại của ngành thủy sản vì môi trường làm việc khá khắc nghiệt, giữ lao động cũ và tuyển dụng là một áp lực lớn của Công ty, đồng thời khi chi phí bảo hiểm tăng lên theo lương tối thiểu vùng 2017 tăng lên 3,22 triệu đồng thay vì 3,1 triệu đồng như năm 2016.
- Thiết bị: để đảm bảo hoạt động đủ công suất cho kế hoạch 2017, thiết bị cần có tính ổn định hơn. Hiện nay một số thiết bị đã cũ, cần được theo dõi và sửa chữa kịp thời. Đầu tư thiết bị cần theo hướng thay thế được nhiều lao động trực tiếp cho Công ty.
- Định mức tiêu hao: định mức tiêu hao nguyên liệu chính phải là chương trình trọng tâm của Công ty trong năm 2017 để thực hiện được tính cạnh tranh về giá của sản phẩm.
- Chất lượng sản phẩm: sẽ luôn là vấn đề hết sức tập trung nhằm tạo dựng lòng tin, đánh giá tốt của khách hàng, cũng như phòng ngừa rủi ro khi kinh doanh bị tác động bởi diễn biến xấu của thị trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2016:

- Năm 2016, Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Miền Trung đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại Hội đồng cổ đông Công ty giao trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam khá ổn định. Mặc dù khó khăn thật nhiều nhưng công ty vẫn dành sự quan tâm đối với người lao động, luôn chú trọng cải tiến những chính sách, chế độ và lương thưởng.

- Tuy hiệu quả kinh doanh của lĩnh vực chế biến xuất khẩu chưa đạt kết quả như mong đợi nhưng các hoạt động chế biến thức ăn thủy sản của chi nhánh Phát triển Nguồn Lợi, các hoạt động kinh doanh kho vận và hoạt động kinh doanh nhập khẩu tại Tp Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt. Các chi nhánh đã luôn bám sát kế hoạch, duy trì và phát triển nguồn khách hàng, tính toán hiệu quả, đánh giá và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty năm 2016:

- Trong năm tài chính 2016, Ban điều hành có 04 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

- Các thành viên trong Ban điều hành đều có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, được đào tạo bài bản. Ngoài các phó Tổng Giám đốc có am hiểu về lĩnh vực được giao và có nhiều năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý, Tổng Giám đốc được bổ nhiệm từ 10/2015 cần khá nhiều thời gian để thâm nhập.

- Tổng giám đốc đã triển khai kế hoạch năm 2016 được đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những khó khăn, thuận lợi của Công ty, linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ý thức hoàn thiện công tác quản lý và quản trị Công ty thông qua việc ban hành những qui định quản lý nội bộ, nâng cao tính kỷ luật trong Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro ở nhiều mặt hoạt động.

Ngoài ra, HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát công ty kiểm tra các vấn đề:

- Triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 giao và Hội đồng quản trị đề ra.

- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để có biện pháp, chỉ đạo kịp thời Ban tổng giám đốc điều hành các vấn đề có ảnh hưởng đến nguồn lực đảm bảo cho hoạt động hiệu quả của Công ty.

- Kiểm tra thường xuyên đảm bảo việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Công ty xác định trọng tâm hoạt động của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản, nhưng vẫn phát huy thế mạnh truyền thống trên cả lĩnh vực “sản xuất - thương mại - dịch vụ”, sẽ chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần thương mại và đầu tư cho sản xuất, tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại ở từng lĩnh vực kinh doanh. Với các các nhận định trên, Công ty đã chủ trương xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính năm 2017 phải sát với thực tế khả năng kinh doanh, khả năng phân tích thông tin thị trường, dự kiến các trường hợp chi phí phát sinh trong năm 2017, cụ thể:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KẾ HOẠCH 2017
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.000,29	910,00
2- Kim ngạch XNK	Triệu USD	34,29	36,92
<i>Xuất khẩu</i>	Triệu USD	24,27	27,92
SX-XK Công ty		23,84	27,92
Trạm Đồng Hới		0,43	-
<i>Nhập Khẩu</i>	Triệu USD	10,02	9,00
Chính hành HCM		9,36	9,00
Nhập khẩu tại Công ty		0,66	-
3- SX, gia công, KD thức ăn nuôi TS-GC			
Doanh thu	Tỷ đồng	29,72	34,58
Sản lượng SX	Tấn	2.880,00	3.422,00
Trong đó, SL SX thức ăn TS	Tấn	2.880,00	3.422,00
4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	59,96	12,73
Chi nhánh HCM	Tỷ đồng	3,14	2,44
Ban DV Kho vận ĐN	Tỷ đồng	11,66	8,12
DT khác của Công ty (cho thuê nhà, đầu tư TC)	Tỷ đồng	45,16	2,17
5- Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	10,36	7,85
6- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,90	8,00

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu/ đại diện tại SPD
1	Thái Bá Nam	Chủ tịch HĐQT	2.447.538
2	Nguyễn Văn Tân	Thành viên	1.800.000
3	Huỳnh Tô Hà	Thành viên	0
4	Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên (Từ nhiệm TV HĐQT 30/6/2016)	0
5	Lê Mạnh Thường	Thành viên (Bổ nhiệm TV HĐQT 22/7/2016)	0
6	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	0

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông: Thái Bá Nam	Chủ tịch	18/18	100 %	
2	Ông: Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	18/18	100 %	
3	Ông: Nguyễn Văn Tân	Thành viên	18/18	100 %	
4	Ông: Huỳnh Tô Hà	Thành viên	18/18	100 %	
5	Ông: Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên	10/10	100 %	Từ nhiệm TV HĐQT từ 30/6/2016
6	Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên	8/8	100 %	Bổ nhiệm TV HĐQT từ 22/7/2016

C) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2016:

Số	Ngày	Nội dung nghị quyết	Hình thức họp và các quyết định
01a/2016/N Q-HĐQT	04/01/2016	Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn phát hành 2.000.000 cổ phiếu SPD theo chương trình phát hành riêng lẻ cho NĐT chiến lược	Lấy ý kiến bằng văn bản.

01-A,B,D,E,F,G,H/2016/NQ-HĐQT	25/01/2016	<p>01A: -Thông qua phương án chuyển nhượng bất động sản tại địa chỉ 21 Lê Hồng Phong-Đà Nẵng và 166 Nguyễn Công Trứ, Q1, HCMC. Thời gian thực hiện: Quý 1,2/2016.</p> <p>01B: Duyệt logo Công ty.</p> <p>01D: Phê duyệt thang bảng lương do công ty xây dựng theo luật BHXH 2014, áp dụng từ năm 2016.</p> <p>01E: Xử lý công nợ khó đòi, theo dõi ngoại bảng - năm 2015</p> <p>01F: Các cá nhân Trạm Đồng Hới thế chấp tài sản để đảm bảo nợ - năm 2016</p> <p>01G: Kế hoạch SXKD năm 2016</p> <p>01H: Phê duyệt đơn giá lương, mức lương Công ty năm 2016</p> <p>01I: Công nhận Lao động giỏi cho Ông Trần Nguyên Thái – Giám đốc chi nhánh- Cty Phát triển Nguồn Lợi Thủy Sản - năm 2015.</p>	<p>Họp trực tiếp. -QĐ số 01/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2016: Ban hành đơn giá lương, phương thức trích lương cho các chi nhánh, tại Công ty - năm 2016;</p> <p>-QĐ số 02/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2016: Phê duyệt mức lương của Ban TGD và những người quản lý Công ty năm 2016.</p>
01C/2016/NQ-HĐQT	27/01/2016	Đầu tư 1.300.000 CP LHG (tỷ lệ nắm giữ 4,98%)	Lấy ý kiến bằng văn bản.
02A-B/2016/NQ-HĐQT	22/02/2016	<p>02A: - Thông qua kết quả tăng vốn điều lệ của công ty từ 100 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng. -Giao Ban TGD làm thủ tục đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung 2 triệu CP vừa phát hành thành công.</p> <p>02B: Tạm ứng cổ tức năm 2015 là 5%. - Ngày chốt danh sách : 07/03/2016 - Ngày thanh toán: 22/03/2016</p>	Lấy ý kiến bằng văn bản.
03/2016/NQ-HĐQT	07/03/2016	<p>- Ngày đăng ký cuối cùng: 22/03/2016 - Lý do và mục đích: Tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 - Ngày dự kiến thực hiện : 29/04/2016. - Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên</p>	Lấy ý kiến bằng văn bản.
04/2016/NQ-HĐQT	18/03/2016	Thông qua chủ trương và phương án thoái toàn bộ vốn đầu tư liên kết.	Lấy ý kiến bằng văn bản.

05 A-B-C-D/2016/HĐ QT	28/03/2016	<p>05A: Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc</p> <p>05B: Thay đổi địa điểm văn phòng Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>05C: Thông qua chủ trương đề đề xuất lên đại hội đồng cổ đông về việc chuyển niêm yết cổ phiếu SPD của Công ty từ UpCoM sang HOSE trong năm 2016</p> <p>05D: Thông qua tài liệu chuẩn bị cho phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung</p> <p>05E: Thay đổi vị trí Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	Họp trực tiếp.
06/2016/NQ-HĐQT	20/04/2016	<p>Chi cổ tức còn lại của năm 2015 theo mức được phê duyệt của ĐHCĐ 2016 là 3% bằng tiền mặt.</p> <p>Thực hiện thủ tục về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận trả cổ tức của cổ đông là 12/5/2016, bắt đầu chi trả 01/6/2016</p>	Lấy ý kiến bằng văn bản.
07 A-B/2016/NQ-HĐQT	31/05/2016	<p>07A: Chỉ đạo của HĐQT về công tác điều hành:</p> <p>07B: Chọn Công ty TNHH Kiểm toán DTL - là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 (gồm soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2016) .</p> <p>- Giá trị dịch vụ: 110.000.000 đ (Một trăm mười triệu đồng) chưa VAT</p> <p>- Giao TGD triển khai.</p>	Họp trực tiếp.
08 A-B/2016/NQ-HĐQT	18/06/2016	<p>08A: Vay vốn và thế chấp vay vốn tại VBA DN năm 2016 (200 tỷ).</p> <p>08B: Thông qua dự thảo và ban hành quy chế xét nâng lương theo hệ thống thang bản lương Công ty.</p>	<p>QĐ số 09/2016/QĐ-HĐQT: Ban hành Quy chế xét nâng lương</p>
09A-B/2016/NQ-HĐQT	22/07/2016	<p>09A: HĐQT chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Đức Hoàn từ 30/06/2016</p> <p>09B: Bổ sung Ông Lê Mạnh Thường làm thành viên HĐQT thay thế chỗ trống phát sinh từ 22/07/2016.</p> <p>09C: Vay vốn tại VCB 2016</p> <p>09D: Vay vốn tại ICB 2016</p> <p>09E: Chỉ đạo của HĐQT về công tác điều hành, gồm:</p>	Họp trực tiếp.
10 A-B-C/2016/NQ-HĐQT	30/08/2016	<p>10A: Chỉ đạo của HĐQT về công tác điều hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng kế hoạch bán hàng tồn kho + Hạn mức kế hoạch vật tư + Thành lập các tiểu ban tái cơ cấu các phòng ban công ty và tiểu ban xử lý thu hồi công nợ chậm thu, khó đòi; <p>10B: Tái cơ cấu bất động sản của Công ty tại đường Ngũ Hành Sơn, Tp.Đà Nẵng</p> <p>10C: Tái cơ cấu một số tài sản của Công ty</p>	<p>Họp trực tiếp.</p> <p>-QĐ số 10/2016/QĐ-HĐQT ngày 31/08/2016: Thành lập Tiểu ban Tái cơ cấu tổ chức</p> <p>-QĐ số 11/2016/QĐ-HĐQT ngày 31/08/2016: Thành</p>

			lập Tiểu ban xử lý công nợ chậm thu khó đòi
11/2016/NQ-HĐQT	01/09/2016	<p>HDQT thống nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn đối tác làm cổ đông chiến lược, thành lập công ty cổ phần mới hoạt động trong lĩnh vực bất động sản là: Công ty TNHH BĐS New City - Cử người đại diện vốn tại Công ty mới: Bà Trần Như Thiên My - Phê duyệt phương án thành lập Công ty cổ phần đầu tư New City Seadanang, vốn góp của Công ty là 30 tỷ đồng bằng BĐS 39-41-kho vật tư và các tài sản trên đất tại 31 Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng. - Phê duyệt dự thảo phương án kinh doanh 	Lấy ý kiến bằng văn bản.
12/2016/NQ-HĐQT	03/09/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt phương án di dời kho 1.000tấn tại 31 Ngũ Hành Sơn, Tp.Đà Nẵng về lắp đặt trong khuôn viên Công ty 2. Phê duyệt chủ trương cho thanh lý kho lạnh 500 tấn và các tài sản khác có thể thu hồi tại 31 Ngũ Hành Sơn, Tp.Đà Nẵng. 3. Chấp thuận chỉ định Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt thực hiện mục công việc lập thiết kế, dự toán phần xây dựng hệ thống kho mới tại Thọ Quang. 4. Chấp thuận chỉ định Công ty TNHH Tư vấn điện lạnh Thủy sản Kim Cương thực hiện công việc lập thiết kế, dự toán phần tháo dỡ, di dời, lắp đặt lại thiết 	Lấy ý kiến bằng văn bản.
14/2016/NQ-HĐQT	07/09/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt việc tái cấu trúc các phòng ban tại trụ sở Công ty theo Tờ trình số 32/TT-CT. 2. Mô hình mới có 8 Ban nghiệp vụ 3. Giao cho Trưởng Tiểu Ban tái cấu trúc triển khai các công việc tiếp theo. 4. Giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng tư vấn tái cấu trúc. 	Lấy ý kiến bằng văn bản.
15/2016/NQ-HĐQT	19/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> -Chỉ đạo của HDQT về công tác điều hành. -Chưa điều chỉnh đơn giá lương sản phẩm tại thời điểm này, sẽ xem xét khi công ty có kết quả kinh doanh năm 2016 -Đổi tên gọi các đơn vị tại trụ sở công ty là “Phòng” thay cho “Ban” -Thay thư ký Công ty: Chỉ định bà Nguyễn Thị Hòa – Phó Phòng Nhân sự Hành chính Công ty làm thư ký Công ty và HDQT kể từ ngày 19/10/2016 	Lấy ý kiến bằng văn bản.
15/2016/NQ-HĐQT	22/11/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài	Lấy ý kiến bằng văn bản.
16/2016/NQ-HĐQT	17/12/2016	Thông qua Báo cáo kiểm toán về báo cáo quyết toán Dự án Nhà máy xử lý nước thải công suất 1.000m ³ /ngày đêm tại Công ty.	Lấy ý kiến bằng văn bản.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Ông Huỳnh Tô Hà là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành. Ông đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT Công ty theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT. Tại các cuộc họp, Ông đều có ý kiến tham gia xây dựng Công ty, có chính kiến rõ ràng trong việc quản trị Công ty, ủng hộ những vấn đề cần thay đổi để cải thiện tốt hơn, và phản biện các vấn đề của các thành viên HĐQT điều hành Công ty.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian khóa học
Thái Bá Nam	Chủ tịch HĐQT	09/08/2013-10/08/2013

2. Ban Kiểm soát**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Danh sách Ban Kiểm soát	Ghi chú	Số CP đại diện vốn nhà nước	Số CP sở hữu cá nhân	Số CP sở hữu của NCLQ	Cộng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ
Trần Phước Thái	Trưởng Ban	120.000	0	0	120.000	1,20
Nguyễn Đức Cảnh	TV	0	0	0	0	0
CỘNG		120.000	0	0	120.000	1,20

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung nhiệm kỳ 2012-2017 gồm 02 thành viên nhằm thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty theo thẩm quyền. Hoạt động của Ban kiểm soát tiến hành một cách chủ động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2016, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và các thành viên đã tích cực chủ động phối hợp, trao đổi, tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị, nhằm hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty. Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh

doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính.

- Thống nhất với Hội đồng quản trị việc lựa chọn đơn vị thực hiện báo cáo kiểm toán tài chính cho năm tài chính 2016 (thực hiện theo nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2016 của phiên họp thường niên đại hội đồng cổ đông Công ty).

- Xem xét cụ thể việc thực hiện đầu tư sửa chữa, mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất của HĐQT và BĐH Công ty trong năm 2016.

- Tổng thù lao của Ban kiểm soát & thư ký công ty được thực hiện theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 phê duyệt và Hội đồng quản trị phân bổ (104.000.000 đồng/ năm).

2.3. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:

Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

+ Ông Lê Nguyễn Đức Dũng: không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung, ngày bắt đầu có hiệu lực: kể từ ngày 10/04/2016 (ĐHCD thường niên 2016 thông qua ngày 19/04/2016).

+ Ông Lê Văn Trường: không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung, ngày bắt đầu có hiệu lực: kể từ ngày 15/04/2016 (ĐHCD thường niên 2016 thông qua ngày 19/04/2016).

- Bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

+ Ông Nguyễn Đức Cảnh: là thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung, ngày bắt đầu có hiệu lực: kể từ ngày 19/04/2016.

+ Ông Nguyễn Văn Bình: là thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung, ngày bắt đầu có hiệu lực: kể từ ngày 19/04/2016.

- Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

+ Ông: Nguyễn Văn Bình có đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung kể từ ngày 01/11/2016.

BẢNG TỔNG HỢP VỀ THAY ĐỔI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số CMND	Ngày cấp CMND	Nơi cấp CMND	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan
-----	-------------	---------------------	---------	---------------	--------------	---------	---

1	Nguyễn Đức Cảnh	Thành viên Ban kiểm soát	151368896	16/02/2005	Thái Bình	Xã Đông Sơn, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	19/04/2016
2	Nguyễn Văn Bình	Thành viên Ban kiểm soát	201338291	22/01/2015	Đà Nẵng	Tổ 15, P. Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng	Từ 19/04/2016 (đã có đơn từ nhiệm từ ngày 01/11/2016)

2.4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

- Công ty áp dụng chế độ trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, BKS.
- Công ty chỉ áp dụng trả lương cho Chủ tịch HĐQT do thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị (Điều 25 khoản 9 Điều lệ Công ty).
- Tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác: Theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ của phiên họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê duyệt tổng mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký công ty trong năm 2016 là 420.000.000 đồng. Tổng mức thù lao của HĐQT là 316.000.000 đồng. Tổng mức thù lao dành cho ban kiểm soát và Thư ký công ty là: 104.000.000 đồng và được trả cho các thành viên ban kiểm soát, thư ký công ty theo quý.

2.4.1 Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty trong năm tài chính 2016:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2016 được đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 phê duyệt và được chi trả 80% mức đại hội đồng cổ đông đã duyệt; 20% còn lại sẽ chi trả trong năm 2017 nếu đạt kế hoạch lợi nhuận năm 2016.

2.4.2 Tiền lương của Ban Tổng Giám Đốc:

- Tiền lương của Ban điều hành được hội đồng quản trị Công ty phê duyệt cho năm 2016 tại nghị quyết số **02/2016/QĐ-HĐQT** ngày 25/01/2016, theo đó tiền lương được trả theo vị trí, chức danh và công việc gắn liền với mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

*** Phương thức trả lương:**

- Đối với ban TGD công ty: Trả lương theo thực tế công việc. Được nhận một phần từ mức được duyệt hàng tháng. Cuối năm, nếu đạt kế hoạch lợi nhuận năm 2016 được ĐHĐCĐ giao thì được nhận đủ theo mức HĐQT phê duyệt.

- Đối với các chi nhánh: ứng hàng tháng và nhận đủ mức lương được HĐQT duyệt nếu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận. Thưởng khi vượt kế hoạch lợi nhuận.

2.4.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm tài chính 2016:

- Ngày 31/03/2016: Cổ đông (tổ chức) là Công ty TNHH sản xuất thương mại vận tải Minh Phúc (Tp Hồ Chí Minh) - giao dịch bán thành công 914.200 cổ phiếu SPD, giảm tỷ lệ sở hữu từ 7,62% xuống còn 0%.

- Ngày 31/03/2016: Cổ đông lớn (cá nhân) là Ông Phạm Đình Giá - CMND số 151700927 do Công An Thái Bình cấp ngày 06/02/2004, địa chỉ L25-05 Tòa nhà Vincom - 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - giao dịch thành công mua 914.200 cổ phiếu SPD, tỷ lệ sở hữu tăng từ 0% lên 7,62%.

- Ngày 25/10/2016: Cổ đông lớn (cá nhân) là Ông Tô Thanh Sơn - CMND số 013225213 do Công an Hà Nội cấp ngày 02/07/2009, địa chỉ 53B Lê Văn Hưu, P.Ngô Thị Nhậm, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội - giao dịch mua thành công 600.000 cổ phiếu SPD, tỷ lệ sở hữu tăng từ 0% lên 5,0%.

- Ngày 25/10/2016: Cổ đông lớn (cá nhân) là Ông Phạm Đình Giá - CMND số 151700927 do Công An Thái Bình cấp ngày 06/02/2004, địa chỉ L25-05 Tòa nhà Vincom - 72 Lê Thánh Tôn - Quận 1 - Tp Hồ Chí Minh - giao dịch bán thành công 600.000 cổ phiếu SPD, giảm tỷ lệ sở hữu từ 7,6% xuống còn 2,6%.

- Ngày 23/11/2016: Cổ đông (tổ chức) là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt (Tp Hồ Chí Minh) - giao dịch bán thành công 401.800 cổ phiếu SPD, giảm tỷ lệ sở hữu từ 3,35% xuống còn 0%.

- Ngày 15/12/2016: Cổ đông (tổ chức) là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt (Tp Hồ Chí Minh) - giao dịch mua thành công 400.000 cổ phiếu SPD, tỷ lệ sở hữu tăng từ 0% lên 3,33%.

- Ngày 21/12/2016: Cổ đông (tổ chức) là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt (Tp Hồ Chí Minh) - giao dịch bán thành công 400.000 cổ phiếu SPD, giảm tỷ lệ sở hữu từ 3,33% xuống còn 0%.

2.4.4 Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

- Ngày 09/09/2016: Cổ đông lớn (cá nhân) là Ông Nguyễn Hoàng Giang - CMND số 111541484 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/02/2012, địa chỉ P412-CT20C Khu đô thị Việt Hưng, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Hà Nội - giao dịch bán thành công 2.141.100 cổ phiếu SPD, giảm tỷ lệ sở hữu từ 17,84% xuống còn 0%.

- Ngày 09/09/2016: Cổ đông lớn (cá nhân) là Ông Lê Mạnh Thường - CMND số 034075000017 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 31/01/2013, địa chỉ L25-05 Tòa nhà Vincom - 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Tp.HCM - giao dịch mua thành công 2.150.000 cổ phiếu SPD, tỷ lệ sở hữu tăng từ 0% lên 17,92%.

- Ngày 27/10/2016: Cổ đông lớn (cá nhân) là Ông Lê Mạnh Thường - CMND số 034075000017 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 31/01/2013, địa chỉ L25-05 Tòa nhà

Vincom - 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Tp.HCM - giao dịch bán thành công 2.150.000 cổ phiếu SPD, giảm tỷ lệ sở hữu từ 17, 92% xuống còn 0%.

- Ngày 27.10.2016: Cổ đông (tổ chức) là Công ty TNHH Trường Mạnh Holdings Việt Nam (Tp.Hồ Chí Minh) - giao dịch mua thành công 2.150.000 cổ phiếu SPD, tỷ lệ sở hữu tăng từ 0% lên 17, 92%.

2.4.5 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ trong năm tài chính 2016:

Công ty có thực hiện các hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Tân Vinh Thái – Tp HCM do ông Huỳnh Tô Hà – thành viên HĐQT độc lập - làm Giám đốc.

Doanh số thực hiện trong năm 2016 là : 31.154.960.984 đồng với 10 hợp đồng mua bán.

Tân Vinh Thái là khách hàng truyền thống của Công ty từ trước cổ phần hóa, có quan hệ mua bán thường xuyên và thanh toán uy tín. Mỗi quan hệ giữa 2 Công ty là quan hệ hợp đồng và tuân thủ các quy định của hợp đồng, của pháp luật.

2.4.6 Các vấn đề cần lưu ý khác

- Công ty có phiên giao dịch chứng khoán bổ sung (2.000.000 cổ phiếu) đầu tiên ngày 29/04/2016 (theo thông báo số 430/TB-SGDHN ngày 25/4/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội)

- Công ty trở thành công ty đại chúng quy mô lớn

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

(Trích Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam- Chi nhánh Miền Trung ngày 27/02/2017)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		356.722.425.210	315.078.495.431
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.664.167.845	74.754.782.132
1. Tiền	111		27.664.167.845	74.754.782.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.611.375.020	173.109.220.480
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	167.986.395.597	185.061.582.246
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.914.224.050	594.203.721
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	19.374.835.336	7.188.414.320
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(42.664.079.963)	(19.734.979.807)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	174.296.428.641	63.765.049.798
1. Hàng tồn kho	141		174.846.403.249	64.846.494.173
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(549.974.608)	(1.081.444.375)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.150.453.704	3.449.443.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	612.215.762	69.583.185
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.524.876.990	3.379.859.836
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	2.013.360.952	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.011.447.769	50.102.165.787
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	14.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	14.000.000
II. Tài sản cố định	220		33.315.379.459	44.299.300.092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	30.454.904.419	35.671.201.796
Nguyên giá	222		180.503.523.691	190.361.756.378
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.048.619.272)	(154.690.554.582)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.860.475.040	8.628.098.296
Nguyên giá	228		5.062.374.111	10.829.997.367
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071)	(2.201.899.071)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		89.090.909	2.851.128.034
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	89.090.909	2.851.128.034
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	52.776.068.201	2.937.737.661
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.000.000.000	2.859.870.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.777.183.862	77.867.661
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.115.661)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		830.909.200	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	830.909.200	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		443.733.872.979	365.180.661.218

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời khỏi báo cáo tài chính

5

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		305.292.379.819	243.480.866.903
I. Nợ ngắn hạn	310		305.292.379.819	243.480.866.903
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	8.208.735.282	3.813.493.258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.296.180.008	581.232.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	19.070.210.477	8.737.631.707
4. Phải trả người lao động	314		6.299.372.711	11.905.715.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	494.885.370	513.783.259
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	3.999.936.915	3.708.323.547
7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	5.17	265.327.211.583	213.757.511.840
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		595.847.473	463.175.991
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.441.493.160	121.699.794.315
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	138.441.493.160	121.699.794.315
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(51.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.154.909.400	10.363.210.555
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.311.473	3.650.791.266
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.061.597.927	6.712.419.289
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		443.733.872.979	365.180.661.218

Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởngTrần Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Mẫu B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	956.050.017.067	1.323.021.271.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.431.953.422	7.869.685.582
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	10		954.618.063.645	1.315.151.585.522
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	912.147.146.677	1.246.359.533.341
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		42.470.916.968	68.792.052.181
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	16.424.417.745	9.822.753.556
7. Chi phí tài chính	22	6.5	12.765.110.181	15.036.166.342
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.363.248.983	10.186.946.822
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	15.541.592.615	24.659.540.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	55.723.095.911	31.710.405.701
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.134.463.994)	7.208.692.777
11. Thu nhập khác	31	6.8	34.245.585.188	1.146.697.484
12. Chi phí khác	32	6.9	208.329.878	75.277.877
13. Lợi nhuận khác	40		34.037.255.310	1.071.419.607
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.902.791.316	8.280.112.384
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	1.841.193.389	1.567.693.095
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.061.597.927	6.712.419.289
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18.5	597	604
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.18.6	597	511



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		972.408.198.282	1.387.291.506.193
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(958.838.646.396)	(1.120.325.617.338)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(63.758.782.638)	(78.044.635.688)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11.325.349.086)	(10.240.965.072)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.908.886.484)	(916.509.204)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		33.874.280.838	25.924.090.445
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(70.773.947.274)	(75.583.634.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(103.323.132.758)	128.104.234.582
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.744.084.675)	(3.601.211.311)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.183.510.000	374.303.205
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.554.116.201)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.600.325.000	5.002.331.600
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45.320.704	711.646.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.469.045.172)	2.487.070.097
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	989.921.922.964	946.198.901.852
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(938.766.653.951)	(1.014.604.462.019)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(9.580.308.800)	(8.228.524.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		61.574.960.213	(76.634.084.397)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		(47.217.217.717)	53.957.220.282
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		74.754.782.132	20.804.030.783
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		126.603.430	(6.468.933)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		27.664.167.845	74.754.782.132



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty là báo cáo tài chính tổng hợp, được công bố đầy đủ tại website www.seadanang.com.vn của CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung kính báo cáo!

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Như Thiên My